

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

Tháng 03 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Lê Trung	Thành viên
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên
Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên
Bà Nguyễn Lệ Hằng	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Long	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 31/08/2018
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 31/08/2018

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Xuân Cường	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Lệ Hằng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Như Hùng	Quyền Phó Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 30/01/2019
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Giám đốc tài chính - Bổ nhiệm ngày 31/08/2018

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này là ông Đinh Xuân Cường – Tổng Giám đốc. Theo Giấy ủy quyền số 2510/2018/UQ-APH ngày 25/10/2018, ông Phạm Đỗ Huy Cường được ủy quyền phê duyệt, ký các văn bản, hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động tài chính, kế toán của Công ty, bao gồm nhưng không hạn chế việc ký hóa đơn, chứng từ, các báo cáo tài chính, mở và sử dụng tài khoản ngân hàng.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và Báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Đỗ Huy Cường

Giám đốc tài chính

Giấy ủy quyền số 2510/2018/UQ-APH

ngày 25/10/2018

Hải Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Số: *178* VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 29 tháng 03 năm 2019 từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại mục số 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, trong đó, Công ty chưa phân loại các khoản vay dài hạn đến hạn trả sang nợ ngắn hạn. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 31/03/2017 đến ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác, trong đó, Báo cáo kiểm toán độc lập số 030803/2018/BCKT-IFC ngày 08/03/2018 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo này.



Lê Xuân Thắng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2016-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Trần Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3272-2015-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		85.864.186.229	4.758.624.403
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.875.527.583	1.405.180.768
1. Tiền	111	4	6.875.527.583	1.405.180.768
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		28.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	28.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.567.013.938	1.794.369.845
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		538.597.733	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.141.902.650	265.500.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	43.680.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.206.513.555	1.528.869.845
IV. Hàng tồn kho	140	8	1.017.680.827	1.082.983.204
1. Hàng tồn kho	141		1.017.680.827	1.082.983.204
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.403.963.881	476.090.586
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	178.996.518	21.308.819
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.224.967.363	454.781.767
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.252.817.227.660	1.166.190.153.713
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.626.890.666	158.440.721.219
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	6	-	148.580.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	17.626.890.666	9.860.721.219
II. Tài sản cố định	220		2.226.070.580	539.885.565
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.178.876.131	482.691.120
- Nguyên giá	222		2.398.016.091	511.550.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(219.139.960)	(28.859.516)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	47.194.449	57.194.445
- Nguyên giá	228		60.000.000	60.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.805.551)	(2.805.555)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.399.546.272
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.399.546.272
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	2.229.706.986.168	1.004.346.362.551
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.640.335.455.003	868.025.663.485
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		532.061.780.306	107.122.372.755
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		57.309.750.859	29.198.326.311
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.257.280.246	1.463.638.106
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	3.257.280.246	1.463.638.106
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.338.681.413.889	1.170.948.778.116

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		798.397.216.101	67.968.439.841
I. Nợ ngắn hạn	310		796.201.566.231	67.968.439.841
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	2.167.380.735	338.771.598
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		70.957.296	27.801.493
3. Phải trả người lao động	314		1.489.092.352	543.869.027
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		87.260.274	470.662.235
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	407.919.580.592	691.144.859
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	384.467.294.982	65.896.190.629
II. Nợ dài hạn	330		2.195.649.870	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	2.195.649.870	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.540.284.197.788	1.102.980.338.275
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	1.540.284.197.788	1.102.980.338.275
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.282.943.480.000	1.100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.141.794.680.000	1.100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		141.148.800.000	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		274.415.220.000	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(17.074.502.212)	2.980.338.275
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(17.074.502.212)	2.980.338.275
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.338.681.413.889	1.170.948.778.116



Phạm Thị Hoa
 Người lập biểu
 Hải Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2019



Hồ Thị Hòe
 Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Huy Cường
 Giám đốc tài chính
 Giấy ủy quyền số 2510/2018/UQ-APH
 ngày 25/10/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Từ 31/03/2017 đến 31/12/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	1.929.634.303	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.929.634.303	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.929.634.303	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	23.606.023.828	8.954.630.242
7. Chi phí tài chính	22	21	8.960.039.080	644.100.229
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.631.467.625	640.276.177
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	27.053.513.122	5.330.191.738
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(10.477.894.071)	2.980.338.275
11. Thu nhập khác	31		42.421.748	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		42.421.748	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(10.435.472.323)	2.980.338.275
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(10.435.472.323)	2.980.338.275

Phạm Thị Hoa
Người lập biểu
Hải Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Hồ Thị Hòe
Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Huy Cường
Giám đốc tài chính
Giấy ủy quyền số 2510/2018/UQ-APH
ngày 25/10/2018

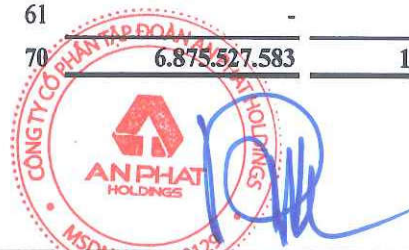
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Đơn vị: VND Từ 31/03/2017 đến 31/12/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(10.435.472.323)	2.980.338.275
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	200.280.440	31.665.071
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	3.824.052
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(23.601.203.072)	(8.954.630.242)
- Chi phí lãi vay	06	8.631.467.625	640.276.177
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(25.204.927.330)	(5.298.526.667)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(12.156.591.602)	(12.109.872.831)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	65.302.377	(1.082.983.204)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	406.572.273.064	2.072.249.212
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(551.783.567)	(1.484.946.925)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7.049.883.912)	(640.276.177)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	361.674.389.030	(18.544.356.592)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.886.465.455)	(1.971.096.908)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(436.358.400.000)	(384.936.390.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	513.258.400.000	236.356.390.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.294.915.755.885)	(1.007.755.843.441)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	69.555.132.268	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24.128.795.538	12.364.111.132
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.126.218.293.534)	(1.145.942.829.217)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	457.358.700.000	1.100.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	631.999.974.782	505.478.105.629
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(311.233.220.559)	(439.581.915.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.111.202.904)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	770.014.251.319	1.165.896.190.629
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	5.470.346.815	1.409.004.820
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.405.180.768	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(3.824.052)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6.875.527.583	1.405.180.768

Phạm Thị Hoa

Phạm Thị Hoa
 Người lập biểu
 Hải Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Hồ Thị Hòa
Hồ Thị Hòa
 Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Huy Cường
 Giám đốc tài chính
 Giấy ủy quyền số 2510/2018/UQ-APH
 ngày 25/10/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 03 năm 2017.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 07 ngày 30 tháng 01 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 1.367.618.990.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 99 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 58 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tư vấn chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
Chi tiết: Thuê nhà, công trình, xây dựng để cho thuê lại;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
Chi tiết: Tư vấn bất động sản;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; và
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 01 công ty con trực tiếp như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
		%	%	
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (AAA)	Hải Dương	46,62	(*)	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa

Ghi chú:

(*) Công ty nắm quyền kiểm soát AAA do có 3/5 thành viên Hội đồng Quản trị của AAA là thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty và là đại diện quản lý vốn của Công ty tại AAA.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017; Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/03/2017 đến ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính riêng thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là báo cáo tài chính riêng.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính riêng thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính riêng.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

- Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.
- Chi phí sửa chữa văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong từ 36 đến 120 tháng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

	Thời gian sử dụng ước tính
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là 06 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	21.032.316	176.624.879
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.854.495.267	1.228.555.889
Cộng	6.875.527.583	1.405.180.768

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
<i>Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn</i>				
Ngắn hạn	28.000.000.000	28.000.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	28.000.000.000	28.000.000.000	-	-
Cộng	28.000.000.000	28.000.000.000	-	-

Ghi chú:

- (i) Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại từ trên 03 tháng đến 12 tháng và không bao gồm các khoản được phân loại là tương đương tiền.

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>	43.680.000.000	-
Công ty CP Nước giải khát Quốc tế An Duy (i)	34.580.000.000	
Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát (ii)	9.000.000.000	
Các đối tượng cá nhân	100.000.000	-
<i>Phải thu về cho vay dài hạn</i>	-	148.580.000.000
Công ty TNHH Dương Phạm Investment	-	40.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Việt và Dương	-	68.580.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Trung và Hòa	-	40.000.000.000
Cộng	43.680.000.000	148.580.000.000
Trong đó phải thu về cho vay là các bên liên quan	43.580.000.000	-
(Chi tiết tại thuyết minh số 24)		

Ghi chú:

- (i) Cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Giải khát Quốc tế An Duy theo Hợp đồng cho vay số 121218.APH-AD, số tiền 34.580.000.000 VND, thời hạn 12 tháng, lãi suất 7,4%/năm.
- (ii) Cho vay ngắn hạn Công ty TNHH Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát theo Hợp đồng cho vay số 20181225/APH-APC, số tiền 9.000.000.000 VND, thời hạn 3 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 6,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	3.206.513.555	1.528.869.845
Tạm ứng	2.830.141.021	575.099.845
Ký quỹ, ký cược	104.985.000	-
Các khoản khác	271.387.534	953.770.000
- Lãi dự thu (i)	271.387.534	953.770.000
Dài hạn	17.626.890.666	9.860.721.219
Ký quỹ, ký cược	705.462.098	410.721.219
Phải thu hợp tác đầu tư	16.921.428.568	9.450.000.000
- Công ty CP Thương mại & DL Hoàng Phương (ii)	16.921.428.568	9.450.000.000
Cộng	20.833.404.221	11.389.591.064
Trong đó phải thu khác là các bên liên quan	2.494.661.787	544.326.687
(Chi tiết tại thuyết minh số 24)		

Ghi chú:

- (i) Các số dư phải thu khác là số trích trước lãi phải thu của các khoản đầu tư.
- (ii) Khoản góp vốn hợp tác đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 28.11/2017/HĐHT/HP-AP-BY ngày 28/11/2017 giữa ba bên là Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings, Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Hoàng Phương và Công ty Cổ phần Du lịch quốc tế Bảo Yến để thực hiện đóng mới, vận hành, khai thác tàu du lịch Hoàng Phương QN8589. Theo điều khoản của hợp đồng hợp tác đầu tư, Công ty được nhận phí khai thác cố định hàng tháng sau khi tàu đi vào vận hành.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.017.680.827	-	1.082.983.204	-
Dự án SEV	-	-	251.222.004	-
Dự án An Cường	110.374.652	-	831.761.200	-
Dự án PV Tech	907.306.175	-	-	-
Cộng	1.017.680.827	-	1.082.983.204	-

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là các chi phí nghiên cứu, báo cáo khả thi dự án tại Công ty CP Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường và Công ty CP Xơ sợi Tổng hợp An Sơn. Các chi phí này dự kiến được thu hồi khi dự án chính thức đi vào hoạt động và có doanh thu trong năm 2019.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	178.996.518	21.308.819
Công cụ, dụng cụ xuất dùng phân bổ dưới 12 tháng	178.996.518	21.308.819
Dài hạn	3.257.280.246	1.463.638.106
Công cụ, dụng cụ xuất dùng phân bổ trên 12 tháng	1.060.555.860	609.125.390
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.897.330.444	854.512.716
Chi phí trả trước dài hạn khác	299.393.942	-
Cộng	3.436.276.764	1.484.946.925

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	118.500.000	-	393.050.636	511.550.636
- Mua trong năm	-	1.794.420.000	92.045.455	1.886.465.455
Số dư cuối năm	118.500.000	1.794.420.000	485.096.091	2.398.016.091
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	6.052.419	-	22.807.097	28.859.516
- Khấu hao trong năm	14.812.500	115.359.903	60.108.041	190.280.444
Số dư cuối năm	20.864.919	115.359.903	82.915.138	219.139.960
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	112.447.581	-	370.243.539	482.691.120
Số dư cuối năm	97.635.081	1.679.060.097	402.180.953	2.178.876.131

Tổng nguyên giá và giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình đang được mang đi cầm cố, thế chấp tại ngày 31/12/2018 lần lượt là 1.794.420.000 VND và 1.679.060.097 VND.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	60.000.000	60.000.000
Số dư cuối năm	60.000.000	60.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	2.805.555	2.805.555
- Khấu hao trong năm	9.999.996	9.999.996
Số dư cuối năm	12.805.551	12.805.551
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	57.194.445	57.194.445
Số dư cuối năm	47.194.449	47.194.449

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. ĐÀU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con				
- Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (ii)	1.640.335.455.003	1.173.311.958.000	-	868.025.663.485
Đầu tư vào công ty liên kết				
- Công ty CP Sản xuất Tổng hợp An Thành	48.000.000.000	(i)	-	48.000.000.000
- Công ty CP Nhựa bao bì Vinh (ii)	56.156.907.555	34.044.051.500	-	59.122.372.755
- Công ty CP Nhựa bao bì An Vinh	60.774.100.000	(i)	-	-
- Công ty CP Nhựa Hà Nội (ii)	337.130.772.751	220.529.723.400	-	-
- Công ty TNHH Linh kiện nhựa ô tô Vinfast - An Phát	30.000.000.000	(i)	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty CP An Tiến Industries (ii)	7.433.831.434	4.919.328.000	-	5.198.326.311
- Công ty TNHH Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát	-	-	-	5.000.000.000
- Công ty CP Vật liệu XD Công nghệ cao An Cường	1.500.000.000	(i)	-	-
- Công ty CP Liên vận An Tín	18.401.753.425	(i)	-	19.000.000.000
- Quyền mua Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (iii)	29.974.166.000	(iii)	-	-
Cộng	<u>2.229.706.986.168</u>		<u>-</u>	<u>1.004.346.362.551</u>

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bởi không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát, Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh, Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội, Công ty Cổ phần An Tiến Industries là giá đóng cửa phiên giao dịch ngày 28/12/2018 trên thị trường chứng khoán (các ngày cuối kỳ kế toán từ ngày 29 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là ngày nghỉ không giao dịch).
- Các khoản đầu tư này được Công ty đầu tư với mục đích nắm giữ lâu dài, kết quả kinh doanh không bị lỗ, không có dấu hiệu mất vốn, do đó không trích lập dự phòng mặc dù giá trị hợp lý nhỏ hơn giá gốc.
- (iii) Quyền mua 170.700 cổ phiếu NHH của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội, thời gian đăng ký đặt mua trước ngày 02/01/2019, được gia hạn đến ngày 22/01/2019. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã thực hiện 170.700 quyền mua trên để thực hiện mua 99.793 cổ phiếu NHH.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	2.167.380.735	2.167.380.735	338.771.598	338.771.598
Phải trả người bán trong nước	2.167.380.735	2.167.380.735	338.771.598	338.771.598
Cộng	2.167.380.735	2.167.380.735	338.771.598	338.771.598
Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan	1.516.449.411	1.516.449.411	-	-
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 24)</i>				

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	407.919.580.592	691.144.859
Nhận ký quỹ ký cược	403.599.978.000	-
- Công ty Cổ phần Nhựa Đại An (i)	366.599.978.000	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp ANI (ii)	37.000.000.000	-
Kinh phí công đoàn	46.919.088	630.000
Cổ tức phải trả	1.508.165.260	-
Phải trả khác	2.764.518.244	690.514.859
- Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - CN Hà Nội	-	640.276.177
- Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát (iii)	1.460.854.109	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành (iii)	673.745.507	-
- Các đối tượng khác	629.918.628	50.238.682
Cộng	407.919.580.592	691.144.859
Trong đó phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan	2.134.599.616	-
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số 24)</i>		

Ghi chú:

- (i) Đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc số 0111/2018/HĐĐC giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings và Công ty Cổ phần Nhựa Đại An, theo đó Công ty Cổ phần Nhựa Đại An đặt cọc 366.600.000.000 VND để mua 6.600.000 cổ phần của công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vĩnh do Công ty nắm giữ. Công ty phải hoàn tất việc chuyển nhượng cổ phần trong vòng 12 tháng.
- (ii) Đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc số 2018/HĐĐC giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings và Công ty Cổ phần Xây lắp ANI, theo đó Công ty Cổ phần Xây lắp ANI đặt cọc 37 tỷ VND để mua 4.800.000 cổ phần của công ty Cổ phần Sản xuất tổng hợp An Thành do Công ty nắm giữ. Công ty phải hoàn tất việc chuyển nhượng cổ phần trong vòng 12 tháng.
- (iii) Lãi vay phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. VAY NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn

I. Vay tổ chức

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - CN Hà Nội (i)

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát (ii)

Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát

Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành (iii)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (iv)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn cầu

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (v)

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN SGD (vi)

II. Vay cá nhân

Các đối tượng là cá nhân khác (vii)

Cộng

Trong đó vay ngắn hạn là các bên liên quan

(Chỉ tiết tại thuyết minh số 24)

Ghi chú:

(i) Vay margin tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - CN Hà Nội theo Đề nghị mở tài khoản và Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ số 15983/2017/HDMB-SSIHN ngày 04/05/2017.

(ii) Vay ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay vốn số 1801/2018/AAA-APH ngày 18/01/2018 với Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát. Số tiền vay là 6.000.000.000 VND, mục đích vay là để phục vụ mục đích đầu tư kinh doanh, thời hạn vay vốn là 12 tháng, lãi suất là 4,5%/năm.

- Hợp đồng vay vốn số 2501/2018/AAA-APH ngày 25/01/2018 với Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát. Số tiền vay là 30.000.000.000 VND, mục đích vay là để phục vụ mục đích đầu tư kinh doanh, thời hạn vay vốn là 12 tháng, lãi suất là 4,5%/năm.

- Hợp đồng vay vốn số 0902/2018/AAA-APH ngày 09/02/2018 với Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát. Số tiền vay là 3.150.000.000 VND, mục đích vay là để thực hiện góp vốn đầu tư đóng mới tàu Hoàng Phương QN8589 theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 28.11/2017/HĐHT/HP-AP-BY, thời hạn vay vốn là 12 tháng, lãi suất là 4,5%/năm.

- Hợp đồng vay vốn số 1202/2018/AAA-APH ngày 12/02/2018 với Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát. Số tiền vay là 12.000.000.000 VND, mục đích vay là để phục vụ mục đích đầu tư kinh doanh, thời hạn vay vốn là 12 tháng, lãi suất là 4,5%/năm.

- Hợp đồng vay vốn số 1907/2018/AAA-APH ngày 19/07/2018 với Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát. Số tiền vay là 8.000.000.000 VND, mục đích vay là để phục vụ mục đích đầu tư kinh doanh, thời hạn vay vốn là 06 tháng, lãi suất là 4,5%/năm.

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
174.072.546.571	174.072.546.571	302.292.990.429	410.469.346.371	65.896.190.629	65.896.190.629	65.896.190.629
50.010.378.656	50.010.378.656	59.850.288.456	52.964.476.483	56.896.190.629	56.896.190.629	56.896.190.629
31.050.000.000	31.050.000.000	28.100.000.000	59.150.000.000	-	-	-
-	-	9.000.000.000	-	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
45.418.000.000	45.418.000.000	-	45.418.000.000	-	-	-
10.823.807.744	10.823.807.744	15.010.835.517	25.834.643.261	-	-	-
-	-	190.331.866.456	190.331.866.456	-	-	-
35.000.000.000	35.000.000.000	-	35.000.000.000	-	-	-
1.770.360.171	1.770.360.171	-	1.770.360.171	-	-	-
210.394.748.411	210.394.748.411	3.998.900.000	214.393.648.411	-	-	-
210.394.748.411	210.394.748.411	3.998.900.000	214.393.648.411	-	-	-
384.467.294.982	384.467.294.982	306.291.890.429	624.862.994.782	65.896.190.629	65.896.190.629	65.896.190.629
210.394.748.411	210.394.748.411	-	210.394.748.411	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. VAY NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(iii) Vay ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành các hợp đồng sau:

- Vay ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành theo Hợp đồng vay vốn số 210618/ATT-APH ngày 08/05/2018, số tiền 8.418.000.000 VND, mục đích vay là để phục vụ mục đích đầu tư kinh doanh, thời hạn vay vốn là 12 tháng, lãi suất là 5,5%/năm.
- Vay ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành theo Hợp đồng vay vốn số 290618/ATT-APH ngày 29/06/2018, số tiền 3.000.000.000 VND, mục đích vay là để phục vụ mục đích đầu tư kinh doanh, thời hạn vay vốn là 06 tháng, lãi suất là 5,5%/năm.
- Vay ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành theo Hợp đồng vay vốn số 310718/ATT-APH ngày 31/07/2018, số tiền 8.000.000.000 VND, mục đích vay là để phục vụ mục đích đầu tư kinh doanh, thời hạn vay vốn là 06 tháng, lãi suất là 7%/năm.
- Vay ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành theo Hợp đồng vay vốn số 081118/ATT-APH ngày 08/11/2018, số tiền 6.000.000.000 VND, mục đích vay là để phục vụ mục đích đầu tư kinh doanh, thời hạn vay vốn là 03 tháng, lãi suất là 6,75%/năm.
- Vay ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành theo Hợp đồng vay vốn số 111218/ATT-APH ngày 11/12/2018, số tiền 20.000.000.000 VND, mục đích vay là để phục vụ mục đích đầu tư kinh doanh, thời hạn vay vốn là 03 tháng, lãi suất là 6,6%/năm.

(iv) Vay margin tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt theo Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán số 044C119119 ngày 08/05/2017.

(v) Vay ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội theo Hợp đồng vay vốn số 171218/APH-NTT ngày 17/12/2018, số tiền 35.000.000.000 VND, mục đích vay là để phục vụ mục đích đầu tư kinh doanh, thời hạn vay vốn là 01 tháng, lãi suất là 6,5%/năm.

(vi) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/9653297 ngày 05/12/2018, hạn mức tín dụng là 15 tỷ VND, thời hạn cấp tín dụng là 6 tháng, lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ. Mục đích vay là để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của Công ty. Tài sản đảm bảo được quy định trong các hợp đồng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh ký giữa Công ty và Ngân hàng.

(vii) Vay ngắn hạn cá nhân theo các hợp đồng vay có thời hạn là 06 tháng, mục đích vay là để phục vụ mục đích đầu tư kinh doanh, lãi suất là 4,5%/năm. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. VAY DÀI HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Vay dài hạn</i>						
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (i)	1.060.327.870	1.060.327.870	94.672.130	1.155.000.000	-	-
Vay cá nhân (ii)	1.135.322.000	1.135.322.000	4.846.658.000	5.981.980.000	-	-
Cộng	2.195.649.870	2.195.649.870	4.941.330.130	7.136.980.000	-	-
Trong đó vay dài hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 24)	1.135.322.000	1.135.322.000	4.846.658.000	5.981.980.000	-	-

Ghi chú:

- (i) Vay dài hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 801700103387 ngày 06/07/2018, hạn mức tín dụng là 1.155.000.000 VND, thời hạn vay là 5 năm, lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ. Mục đích vay là để thanh toán chi phí mua 3 xe ô tô Toyota Vios G. Tài sản đảm bảo là 3 xe ô tô Toyota Vios G.
- (ii) Vay dài hạn cá nhân khác với mục đích đầu tư kinh doanh, thời hạn vay vốn là 18 tháng, lãi suất là 4,5%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn của Công ty được trả theo lịch trả nợ sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.362.535.112	-
Trong năm thứ hai	227.213.112	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	605.901.646	-
Cộng	2.195.649.870	-

Công ty chưa phân loại các khoản vay dài hạn được hoàn trả trong vòng một năm số tiền là 1.362.535.112 sang nợ ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm	1.100.000.000.000	-	-	1.100.000.000.000
Lãi trong năm	-	-	2.980.338.275	2.980.338.275
Số dư đầu năm nay	1.100.000.000.000	-	2.980.338.275	1.102.980.338.275
Tăng vốn trong năm (i)	182.943.480.000	274.415.220.000	-	457.358.700.000
Lãi trong năm	-	-	(10.435.472.323)	(10.435.472.323)
Trả cổ tức (ii)	-	-	(9.619.368.164)	(9.619.368.164)
Số dư cuối năm	1.282.943.480.000	274.415.220.000	(17.074.502.212)	1.540.284.197.788

Ghi chú:

- (i) Tăng vốn theo nghị quyết của Hội đồng quản trị số 3001/2018/NQ-HĐQT ngày 30/01/2018 thông qua phương án phát hành cổ phiếu ưu đãi cho nhà đầu tư KB Securities Co., Ltd, số lượng cổ phiếu 14.114.880, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, giá bán 15.000 VND/cổ phiếu.

Tăng vốn theo nghị quyết của Hội đồng quản trị số 1107/2018/NQ-HĐQT ngày 11/07/2018 thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, số lượng cổ phiếu 4.179.468, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, giá bán 25.000 VND/cổ phiếu.

- (ii) Phần cổ tức phải trả KB Securities Co., Ltd theo Hợp đồng bán cổ phiếu ưu đãi ngày 31/01/2018. Theo đó Công ty phải trả cho nhà đầu tư cổ tức tương đương với 3% giá bán cổ phiếu ưu đãi mỗi năm mà không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	114.179.468	110.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	14.114.880	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	114.179.468	110.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	14.114.880	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/ CP)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 1.282.943.480.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Ông Phạm Ánh Dương	400.000.000.000	31,18%	400.000.000.000	36,36%
Ông Nguyễn Lê Trung	300.000.000.000	23,38%	300.000.000.000	27,27%
Ông Phạm Hoàng Việt	300.000.000.000	23,38%	300.000.000.000	27,27%
Bà Nguyễn Thị Tien	100.000.000.000	7,79%	100.000.000.000	9,09%
Công ty TNHH Chứng khoán KB	141.148.800.000	11,00%	-	0,00%
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ	41.794.680.000	3,26%	-	0,00%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam				
Cộng	1.282.943.480.000	100%	1.100.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
- KRW	-	3.518.800
- JPY	-	157.000
- USD	-	2.247
- EUR	-	200

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Từ 31/03/2017 đến 31/12/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.929.634.303	-
Cộng	1.929.634.303	-
Trong đó doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 24)	1.850.952.485	-

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Từ 31/03/2017 đến 31/12/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.345.330.429	5.203.863.632
Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.610.613.232	-
Lãi từ hoạt động chuyển nhượng vốn	998.200.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.820.756	-
Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác	1.647.059.411	3.750.766.610
Cộng	23.606.023.828	8.954.630.242
Trong đó doanh thu tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 24)	16.992.864.808	-

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Từ 31/03/2017 đến 31/12/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	8.631.467.625	640.276.177
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	3.824.052
Chi phí tài chính khác	328.571.455	-
Cộng	8.960.039.080	644.100.229
Trong đó chi phí tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 24)	2.221.859.890	-

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Từ 31/03/2017 đến 31/12/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân viên	13.288.213.338	2.907.032.348
Chi phí khấu hao TSCĐ	200.280.440	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.897.684.828	1.594.835.582
Các khoản chi phí QLDN khác	5.667.334.516	828.323.808
Cộng	27.053.513.122	5.330.191.738

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	386.662.944.852	65.896.190.629
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(6.875.527.583)	(1.405.180.768)
Nợ thuần	379.787.417.269	64.491.009.861
Vốn chủ sở hữu	1.540.284.197.788	1.102.980.338.275
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	24,7%	5,8 %

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.875.527.583	1.405.180.768
Phải thu khách hàng và phải thu khác	61.411.413.835	158.983.770.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	28.000.000.000	-
Các khoản ký quỹ	810.447.098	410.721.219
Cộng	97.097.388.516	160.799.671.987
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	386.662.944.852	65.896.190.629
Phải trả người bán và phải trả khác	410.086.961.327	1.029.916.457
Chi phí phải trả	87.260.274	470.662.235
Cộng	796.837.166.453	67.396.769.321

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Sau 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.875.527.583	-	-	6.875.527.583
Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.489.985.267	-	16.921.428.568	61.411.413.835
Đầu tư tài chính ngắn hạn	28.000.000.000	-	-	28.000.000.000
Các khoản ký quỹ	104.985.000	705.462.098	-	810.447.098
Cộng	79.470.497.850	705.462.098	16.921.428.568	97.097.388.516
Số cuối năm				
Các khoản vay	385.829.830.094	833.114.758	-	386.662.944.852
Phải trả người bán và phải trả khác	410.086.961.327	-	-	410.086.961.327
Chi phí phải trả	87.260.274	-	-	87.260.274
Cộng	796.004.051.695	833.114.758	-	796.837.166.453
Chênh lệch thanh khoản thuần	(716.533.553.845)	(127.652.660)	16.921.428.568	(699.739.777.937)
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.405.180.768	-	-	1.405.180.768
Phải thu khách hàng và phải thu khác	953.770.000	148.580.000.000	9.450.000.000	158.983.770.000
Các khoản ký quỹ	-	410.721.219	-	410.721.219
Cộng	2.358.950.768	148.990.721.219	9.450.000.000	160.799.671.987
Số đầu năm				
Các khoản vay	65.896.190.629	-	-	65.896.190.629
Phải trả người bán và phải trả khác	1.029.916.457	-	-	1.029.916.457
Chi phí phải trả	470.662.235	-	-	470.662.235
Cộng	67.396.769.321	-	-	67.396.769.321
Chênh lệch thanh khoản thuần	(65.037.818.553)	148.990.721.219	9.450.000.000	93.402.902.666

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	Công ty con trực tiếp
Công ty CP An Tiến Industries	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Sản xuất tổng hợp An Thành	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Nhựa bao bì An Vinh	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Vật Liệu CNC An Cường	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Liên vận An Tín	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH KCN Kỹ thuật cao An Phát	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Nhựa bao bì Vinh	Công ty liên kết
Công ty CP Nhựa Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty CP Nước giải khát quốc tế An Duy	Công ty có thành viên BGD là cá nhân có liên quan
Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan	Lãnh đạo chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	452.047.733	-
Công ty CP An Tiến Industries	31.035.314	-
Công ty CP VLXD Công nghệ cao An Cường	19.319.114	-
Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	224.838.435	-
Công ty CP Sản xuất tổng hợp An Thành	163.802.270	-
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín	6.836.800	-
Công ty CP Nhựa bao bì An Vinh	6.215.800	-
Phải thu khác	2.494.661.787	544.326.687
Ông Phạm Ánh Dương	1.675.582.462	54.039.380
Ông Đinh Xuân Cường	639.073.846	490.287.307
Công ty CP Nước giải khát quốc tế An Duy	180.005.479	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	43.580.000.000	-
Công ty CP KCN Kỹ thuật cao An Phát	9.000.000.000	-
Công ty CP Nước giải khát quốc tế An Duy	34.580.000.000	-
Phải trả người bán	1.516.449.411	-
Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	1.510.000.000	-
Công ty CP Sản xuất tổng hợp An Thành	6.449.411	-
Phải trả ngắn hạn khác	2.134.599.616	-
Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	1.460.854.109	-
Công ty CP Sản xuất tổng hợp An Thành	673.745.507	-
Vay ngắn hạn và dài hạn	211.530.070.411	-
Bà Nguyễn Thị Tiệp	210.394.748.411	-
Ông Đinh Xuân Cường	1.135.322.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	Năm nay	Từ 31/03/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.850.952.485	-
Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	1.644.398.577	-
Công ty CP An Tiến Industries	28.213.922	-
Công ty CP Sản xuất tổng hợp An Thành	148.911.155	-
Công ty CP Nhựa bao bì An Vinh	5.650.727	-
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín	6.215.273	-
Công ty CP VLXD Công nghệ cao An Cường	17.562.831	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.372.727.273	-
Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	1.372.727.273	-
Doanh thu tài chính	16.992.864.808	-
Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	15.919.438.118	-
Công ty CP Sản xuất Tổng hợp An Thành	1.719.863	-
Công ty CP An Tiến Industries	14.975.123	-
Công ty CP Liên vận An Tín	161.753.425	-
Công ty CP Nhựa bao bì Vinh	714.972.800	-
Công ty CP Nước giải khát quốc tế An Duy	180.005.479	-
Chi phí tài chính	2.221.859.890	-
Công ty CP Nhựa và Môi trường xanh An Phát	1.460.854.109	-
Công ty CP Sản xuất tổng hợp An Thành	673.745.507	-
Công ty CP Nhựa Hà Nội	87.260.274	-
Nhận tiền vay	216.376.728.411	-
Bà Nguyễn Thị Tiệp	210.394.748.411	-
Ông Đinh Xuân Cường	5.981.980.000	-
Trả tiền vay	4.846.658.000	-
Ông Đinh Xuân Cường	4.846.658.000	-
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1.343.116.770	-
Lương và các khoản thưởng Ban Tổng Giám đốc	1.343.116.770	-

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Tại ngày 23/01/2019, Công ty đã sử dụng 3.200.000 quyền mua cổ phiếu NHH nhận được từ việc mua 3.200.000 cổ phiếu NHH ngày 27/11/2018 để thực hiện mua 1.870.769 cổ phiếu NHH. Tiếp theo đó, ngày 13/02/2019, Công ty tiếp tục dùng 170.700 quyền mua cổ phiếu NHH mua được từ Công ty TNHH Một thành viên CADIVI Đồng Nai để thực hiện mua 99.793 cổ phiếu NHH. Tính tới thời điểm phát hành báo cáo này, tổng số cổ phiếu NHH mà Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings đang nắm giữ cũng như chờ về là 8.400.000 cổ phiếu, tương đương 50% trong tổng số 16.800.000 cổ phiếu NHH của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đang lưu hành.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 0109/2019/NQ-APH ngày 09/01/2019 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 0125/2019/NQ-HĐQT ngày 25/01/2019, Công ty đã thực hiện hoán đổi khoản vay của Bà Nguyễn Thị Tiệp với số tiền vay là 211.688.779.100 VND thành vốn chủ sở hữu, với số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 8.467.551 cổ phần, vốn chủ sở hữu sau khi phát hành thêm là 1.367.618.990.000 VND.

Phạm Thị Hoa
Người lập biểu

Hải Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Hồ Thị Hòa
Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Huy Cường
Giám đốc tài chính